

Bản án số: 102/2022/HS-PT
Ngày 21 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm; Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Minh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (về sau gọi tắt là bản án sơ thẩm).

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn L (tên gọi khác: B), sinh năm 1992; tại huyện C, tỉnh H; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T và bà Bùi Kim S; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: trước lần phạm tội lần này chưa vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Linh: Ông Nguyễn Tiến Chinh. Là Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Tiến Chinh, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Ngoài ra vụ án có bị hại nhưng không kháng cáo hoặc không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/3/2021, Lê Minh Ng và Bùi Thanh C (là những người bị kết án trong vụ án khác) gặp nhau tại Khu dân cư vượt lũ Bảy Ngàn, thuộc ấp Thị Tứ, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Ng, C cùng một số người khác tham gia đánh bài cào 03 lá được thua bằng tiền. Ng sử dụng 3.500.000 đồng, C sử dụng 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng một số người khác (không xác định được nhân thân, địa chỉ). Chơi được một lúc thì những người chơi chung nghỉ hết chỉ còn lại C và Ng tiếp tục chơi. Ng làm cái còn C đặt tụ, mỗi lần đặt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau khi thua hết số tiền trên C đem xe mô tô biển số kiểm soát 95B1-390.23 của C thế chấp cho chị Nguyễn Thị Bích Tr để mượn số tiền 7.000.000 đồng quay lại đánh bạc nhưng tiếp tục bị thua hết.

Sau khi thua hết tiền C không dám đi về nhà mà đi lòng vòng trong Khu dân cư vượt lũ Bảy Ngàn. Khoảng 00 giờ ngày 05/3/2021, Nguyễn Ngọc B biết sự việc C đánh thua hết tiền nên điện thoại cho Bùi Thanh T nói C đánh bài thua cầm xe không dám về nhà nên T nảy sinh ý định đi tìm Ng lấy lại tiền C đánh bạc bị thua để C chuộc lại xe mô tô.

T điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn L kêu đến rước T, khi Linh chở T thì T nói cho L nghe việc C đánh bài bị thua tiền Ng kêu L chở đi tìm Ng lấy tiền lại, T và L chạy xe lòng vòng các quán nhậu để tìm Ng. Khi biết Ng ở quán nhậu 86 thuộc ấp 4A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thì T kêu Linh thả T xuống khu vực gần quán 86 và kêu L đi về rước Trần Út H. Khi đến nhà H, L gặp thêm Bùi Tấn C và Đào Quang H tại đây, L nói sự việc của C cho H, H, C nghe và nói T kêu L xuống tìm H đi đến quán 86 tìm Nghĩa để lấy lại tiền, nghe vậy nên Đào Quang H và Bùi Tấn C cũng đồng ý đi cùng với H. Sau đó cả nhóm cùng đến trước quán 86, T thấy Ng đang nằm võng trong quán, T, H, C, H đi vào, còn L đứng ngoài lộ chờ, T kêu Ng đưa lại tiền đã ăn của C cho T thì Ng không đồng ý. T dùng chân đá vào người Ng và dùng tay nắm cổ áo kéo Ng đứng dậy. C và Út H dùng bóng đèn đánh Ng, Ng dùng tay đỡ làm bể bóng đèn, H dùng khúc gỗ đánh vào lưng Ng, Ng và T lôi kéo nhau thì Có lấy khúc gỗ màu đen H đang cầm đánh tiếp vào người Ng. Lúc này chủ quán yêu cầu cả nhóm rời khỏi quán thì H, T, H, C kéo Ng ra sân tiếp tục đánh. T kêu H móc túi Ng lấy cái bóp nhưng không được nên T đè chân Ng, H đè lên người, H móc túi phía sau của Ng lấy được cái bóp đưa cho T. T lấy 7.000.000 đồng sau đó để bóp lại cho Ng và cả nhóm ra về. Khi đến khu vực 5.000 thì T kêu L để C, H và H đi về nhà, còn L chở T đi tìm C đưa tiền cho C để chuộc xe. Đến khoảng

03 giờ sáng ngày 05/3/2021, Bùi Thanh T đưa Bùi Thanh C 7.000.000 đồng để chuộc xe mô tô. Khi biết Ng trình báo Công an khoảng 13 giờ 35 phút ngày 05/3/2021 T đến Công an thị trấn Bảy Ngàn đầu thú; ngày 08/3/2021 H cũng đến Công an thị trấn Bảy Ngàn đầu thú.

Hành vi Cướp tài sản của Bùi Thanh T, Trần Út H, Bùi Tấn C. Đào Quang H và hành vi đánh bạc của Lê Minh Ng, Bùi Thanh C, đã được đưa ra xét xử xong. Riêng Nguyễn Văn L, quá trình điều tra đã trốn đi khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã ra Quyết định truy nã. Đến ngày 04/01/2022 Nguyễn Văn L đến Công an huyện Châu Thành A để đầu thú.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST, ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; buộc chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 5 năm 2022 bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo bản án yêu cầu xin hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:

- Đơn kháng cáo của bị cáo là đúng về thẩm quyền, thời hạn theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo của bị cáo theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Cướp tài sản có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt áp dụng cho bị cáo là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới có ý nghĩa chứng minh cho việc xin giảm nhẹ. Xét bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra xử lý, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, nhưng cho rằng bị cáo chỉ có lỗi vô ý chứ các bị cáo khác, bản án sơ thẩm xử

bị cáo mức hình phạt 03 năm tù giam là quá nghiêm khắc. Xin Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha bị cáo đang bệnh, bị cáo là lao động chính để cho hưởng án treo.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo: người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến vai trò của bị cáo tham gia vào vụ án không đáng kể, bị cáo có chạy xe chở T và một số người khác nhưng không nhận thức đầy đủ sự việc, chỉ sau khi xảy ra việc đánh và chiếm đoạt tài sản thì bị cáo L mới nhận thức được. Bị cáo không nhận thức đầy đủ vai trò đồng phạm của mình nên rời địa phương đi làm thuê chứ không có ý thức bỏ trốn nhưng nhận định của Viện kiểm sát. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thỏa thuận bồi thường cho bị hại 1.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình có hoàn thành khó khăn cha ruột đang bị bệnh, bị cáo là lao động chính, sau khi biết được mình bị truy nã bị cáo đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Phát biểu đối đáp:

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Luật sư bào chữa đề nghị cho bị cáo Linh hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Bởi số tiền bị thiệt hại trong vụ án đã được các bị cáo trong vụ án trước thỏa thuận bồi thường cho bị hại. Bị cáo L tự nguyện hỗ trợ thêm cho bị hại Ng 1.000.000 đồng đã được cấp sơ thẩm xem xét cho hưởng bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

Ngoài ra Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo không bỏ trốn là không đúng. Bởi sau khi sự việc xảy ra, mười ba ngày sau Cơ quan điều tra đã xác minh nơi cư trú thì bị cáo đã rời bỏ địa phương. Tháng 9/2021 bị cáo khai biết mình bị truy nã nhưng không đến trình báo, phải đến rất lâu sau tới ngày 04/01/2022 bị cáo mới đầu thú, nên trường hợp bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo.

Tranh luận lại, người bào chữa cho rằng bị cáo sau khi bị truy nã có ra đầu thú, nên theo Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán trường hợp của bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về đơn kháng cáo: Sau khi bị xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm đúng theo quy định tại các điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo của bị cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời thừa nhận của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: ngày 04/3/2021 bị cáo Nguyễn Văn L nhận điện thoại của Bùi Thanh T (bị án trong vụ án khác đã xét xử xong) nhờ đến rước T. Khi L chở T trên xe thì T nói cho L nghe việc C đánh bài bị thua tiền Ng kêu L chở đi tìm Ng lấy tiền lại, T và L chạy xe lòng vòng các quán nhậu để tìm Ng. Khi biết Ng ở quán nhậu 86 thuộc ấp 4A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thì T kêu L thả T xuống khu vực gần quán 86 và kêu Linh tiếp tục đi rước Trần Út H, Bùi Tấn C và Đào Quang H (cũng là các bị cáo trong vụ án đã được xét xử xong). Sau đó cả nhóm cùng đến trước quán 86 gặp Ng đòi lại tiền, Ng không đồng ý trả, T, Út H, C, H đánh và móc túi Ng lấy 7.000.000 đồng đưa cho Bùi Thanh C chuộc lại xe. Hành vi của Bùi Thanh T, Trần Út H, Bùi Tấn C và Đào Quang H ngày đã được đưa ra xét xử xong vào ngày 28/01/2022. Riêng Nguyễn Văn L đã bỏ trốn, đến ngày 04/01/2022 ra đầu thú. Với hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn L đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo L phạm tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (về sau gọi tắt là Bộ luật Hình sự) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi xét xử bản án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hỗ trợ tiền khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có yêu cầu không truy tố hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bản án sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo L hưởng tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét bị cáo trong lần phạm tội này đã phạm tội nghiêm trọng; hành vi thể hiện tính chất kéo băng nhóm, sẵn sàng đe dọa chấn áp người khác khi đồng bọn có yêu cầu; hành vi gây bức xúc cho người dân tại địa phương. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra xử lý, nên dù cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng xét mức hình phạt bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo ở mức đầu khung hình phạt là có đánh giá vai trò thứ yếu (chỉ giúp sức chở các bị án khác) của bị cáo trong vụ án và tuyên buộc bị cáo chấp hành mức hình phạt 03 năm tù là tương xứng với hành vi, phù hợp pháp

luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4]. Luật sư bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò tham gia vào vụ án của bị cáo là không đáng kể; bị cáo mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu không truy tố bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính. Đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1]. Đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2]. Đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Lý do số tiền thiệt hại đã được bản án xét xử các bị án trước giải quyết xong trong thời gian bị cáo bỏ trốn (trong đó không buộc trách nhiệm bị cáo). Việc bị cáo tự nguyện giao thêm cho bị hại Ng 1.000.000 đồng là mang tính đối phó để được giảm nhẹ nhiều hơn thiện chí khắc phục hậu quả của bị cáo.

[4.3]. Đối với đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Lý do như đã nhận định tại mục [3].

[5]. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Cướp tài sản; thống nhất với quan điểm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[6]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc không liên đến kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L chịu, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo ngày 31 tháng 5 năm 2022 của bị cáo Nguyễn Văn L yêu cầu xin hưởng án treo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2022).